

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 92

Hỏi: Phàm căn cứ trong môn thế tục đế, phàm Thánh cách tuyệt, phàm phu bên ngoài tâm lập pháp vọng chấp thấy nghe. Thánh nhân đã rõ một tâm, cố sao đồng phàm thấy biết?

Đáp: Thánh tuy thấy biết thường rõ vật hư, như đồng huyễn sinh không có chấp trước, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu vì nhân tướng của phiền não đây sinh ra đảo tưởng, tất cả Thánh nhân thật có đảo tưởng, mà không phiền não, nghĩa đó thế nào? Phật dạy: Này thiện nam! Thế nào Thánh nhân mà có đảo tưởng? Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân từ trâu khởi tướng trâu cũng nói là trâu, từ ngựa khởi tướng ngựa cũng nói là ngựa. Nam nữ lớn nhỏ vườn nhà xe cộ đi lại cũng vậy, cho nên đảo tưởng. Này thiện nam! Tất cả phàm phu có hai thứ tướng: Một, tướng thế gian lưu hành. Hai, tướng đấm trước. Tất cả Thánh nhân tuy có tướng thế gian lưu hành bố tướng mà không có tướng đấm trước. Tất cả phàm phu ác giác quán nên ở tướng thế gian lưu hành sinh ra tướng đấm trước. Cho nên, phàm phu gọi là tướng điên đảo, Thánh nhân tuy biết nhưng chẳng gọi là tướng điên đảo “. Lại, vì cảnh giới tự không, nào phải hoại tướng. Vì tâm linh tự chiếu đâu mượn duyên sinh, chẳng đồng phàm phu năng sở tình chấp thấy biết. Nên trong Triệu Luận nói: Phàm có chỗ biết thì có chỗ chẳng biết, vì Thánh tâm không biết nên không chỗ chẳng biết. Biết của chẳng biết mới gọi là biết tất cả”. Nên trong kinh nói: “Thánh nhân hư rộng tâm đó mà thật chiếu đó, trọn ngày biết mà chưa từng biết vậy. Như nước đứng, ảnh soi, đâu lập tâm của năng sở thì cảnh trí đều không, nào có tướng của hay biết”, trong kinh Lăng-già nói: “Phật bảo: Đại Tuệ! Vì thế gian do mê hoặc làm rối loạn kia, các Thánh cũng hiện mà chẳng phải điên đảo, Đại Tuệ! Như mùa xuân, vòng lửa xoay, rủ tóc, thành Càn-thác-bà, huyễn mộng, gương ảnh, là thế gian điên đảo chẳng phải minh trí vậy, nhưng chẳng phải chẳng hiện”. Giải thích: Bấy dụ trên là rõ cảnh tức một mà thấy

có khác, nhưng Thánh nhân dùng cảnh cửa hoặc loạn kia. Một đồng phàm hiện sắc v.v... các trần, vì Thánh nhân không niệm đấm trước nên đối mặt chẳng phải điên đảo, nhưng Thánh nhân chẳng phải chẳng thấy pháp hoặc loạn kia, lúc thấy chánh đồng trắng dưới nước ảnh trong gương, Bồ-tát Long Thọ nói: ánh sáng mặt nhật dính bụi trần, gió nhẹ thổi đó bay trong đồng trống gọi đó là diệm. Ngu phu trông thấy cho đó là ngựa hoang, người khát thấy cho đó là nước chảy. Nghiệp báo cũng vậy, phiền não ánh sáng mặt nhật nóng đốt các hành thành bụi trần, gió tà nghĩ nhớ ở trong đồng hoang sinh tử thổi đó khiến chuyển, vọng thấy là người là quý là nam là nữ, khát ái nhiễm trước đấm dính không thôi, chẳng gần Thánh pháp thì không do đâu nhận biết được. Phàm, lửa, mặt nhật sáng tỏa bên ngoài, nước gương soi chiếu bên trong, ánh sáng tại trên là ảnh, ánh sáng tại dưới là tượng, tượng do sáng truyền mà tượng hiện ở nước. Hình do mặt nhật soi mà ánh sáng cách làm ảnh. Hai vật tuy đối mà chỗ đối đãi đối có, đối có tuy không mà cuồng hoặc thấy đó, thấy đó do chẳng cuồng thì hình cùng ảnh một, tượng cùng hình đồng. Pháp thế gian cũng vậy, chỗ các duyên khởi, có của khởi cùng duyên của sở khởi đều là không, vật không một khác vậy. Mà người vì gió bệnh điên đảo hư vọng nên chẳng đáng thấy mà thấy chẳng đáng nghe mà nghe, nếu được sáng của đại tuệ thì gió cuồng tâm dứt, không thấy đâu vậy. Lại, Bát-nhã vô tri là, chẳng đồng với gỗ đá, chẳng phải có biết là đồng với tình tưởng. Các bậc cổ đức nói: “Phật thấy vô ngã chẳng phải không biết, chỉ là chẳng biết biết chẳng thấy thấy, vì biết chẳng biết biết vậy, tức không tâm mà không biết, thấy là chẳng thấy thấy vậy, không sắc mà chẳng thấy. Không sắc mà chẳng thấy nên do chẳng thấy thấy vậy. Không tâm mà chẳng biết nên do chẳng biết biết vậy. Như trong kinh Tịnh Danh nói: “Chỗ thấy sắc và mù đồng nhau”. Là, Sùng Phước sơ giải rằng: Thí như năm ngón tay bôi xoa hư không, hư không không tượng hiện. Chẳng vì hư không không tượng hiện bèn nói tay chẳng bôi xoa hư không. Đâu vì năm ngón tay bôi thoa hư không, bèn nói muốn khiến trong hư không tượng hiện. Sự cũng chẳng phải vậy, chẳng phòng ngại mạch mẽ bôi thoa hư không, trong hư không nguyên không tượng hiện. Đâu vì nhãn căn thấy sắc bèn khiến như mù, đâu vì nhãn căn như mù mà bèn đều không chỗ thấy, chẳng gần ngại mắt đầy đủ thấy sắc, sắc vốn tự tánh không. Tuy nhiên, lúc thấy sắc nguyên là cùng mù không khác, chỉ dứt tự tâm phân biệt, chẳng phải trừ pháp vậy, pháp vốn tự không, không chỗ trừ vậy. Lại, chỗ nghe tiếng và âm vang đồng nhau là, đâu là chẳng nghe, chỉ tất cả âm thanh đều như vang

trong hang cốc, không chấp thọ phân biệt vậy. Do đó mắt đầy đủ thấy sắc, tai đầy đủ nghe tiếng, chẳng tùy chẳng hoại, rõ chánh tánh của sắc và tiếng vậy. Tại sao? Nếu tùy môn của sắc và tiếng tức đọa vào chấp của phàm phu, phân biệt tướng xấu đẹp, đấm sâu thương ghét. Lãnh thọ âm thanh của tán dương hay hủy báng, vọng sinh thích chán. Nếu hoại tướng của sắc và tiếng, tức đồng tâm của Tiểu thừa, thì có ba lỗi: Một, sắc v.v... tánh không thể hoại vậy. Nếu hoại phương không chẳng phải vốn không vậy. Hai, do không tức chân đồng pháp tánh vậy. Nếu hoại phương chân, sự tại ngoài lý vậy. Ba, do tức không chẳng đọa hoại vậy, hoại thì đoạn diệt. Vì vậy Như Lai năm mắt chiếu suốt không sót, đâu đồng phàm phu sinh mù, nhị thừa chột mắt đều không thấy hư? Chỉ chẳng tùy chẳng hoại lìa biên tà của hai kiến, chẳng phải có chẳng phải không, khế hợp trung lý của một tâm, thì gặp duyên không ngại, xúc cảnh không sinh vậy. Vì thế, muôn vật vốn đối từ tâm thấy thật, nhân tướng niệm mà chấp không chấp có, đọa vào cửa hỗn loạn mê hoặc. Vì chấp trước mà thành huyền thành cuồng, thọ báo của tạp nhiễm, nếu năng phản chiếu duy tâm, đại trí soi cùng nguồn chân thật tướng, thì huyền mộng chóng tỉnh, ảnh tượng đều lặng. Sau đó dùng tướng chẳng hai suốt thấy mười phương, dùng môn một tâm gồm thâu muôn vị, thì thấy không chỗ thấy các tướng xen lẫn trời, nghe không chỗ nghe các âm thanh dựng nổi đất. Rõ đạt như vậy, tâm hư cảnh không, thì vào môn đại tổng trì, tiếp nối chủng tánh Phật thừa. Trong kinh Lăng-già nói: “Giác tự tâm, tánh ngoài hiện lượng chẳng phải tánh, chẳng tướng vọng tưởng khởi chủng tánh Phật thừa. Nếu mê pháp bên ngoài lấy tâm thủ tâm thì thành môn nghiệp huyền, tiếp tục chủng tánh chúng sinh. Huyền pháp từ đâu lập”. Nên biết tất cả các pháp nhiễm tịnh đều từ chấp thủ sinh. Vì vậy nói chấp thủ ngã là dơ, chẳng chấp thủ ngã là tịnh. Nếu không tâm của năng thủ sở thủ, cũng không pháp của huyền chẳng phải huyền. Chẳng phải huyền thật pháp còn chẳng sinh, huyền khởi vết đối cậy đâu kiến lập, lại như ngoài tâm thấy pháp đều thành đối đãi nhau. Vì không thể không lực duyên giả nương nhau vậy. Do đó, trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Vì có nên có không,
 Vì không nên có có,
 Nếu không chẳng nên thọ,
 Nếu có chẳng nên tướng”.*

Nếu mở phương tiện hoặc nói có trị không, nói không phá có tức không chỗ trở ngại. Như trong luận Thập Địa Tỳ-bà-sa có kệ tụng

nói:

*“Nếu dụng có và không,
Cũng ngăn cũng nên nghe,
Tuy nói tâm chẳng đấm,
Thì là không có lỗi”.*

Nếu căn cứ chánh tông thì có không đều sạch hết. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: “Phật có chẳng nói không, không chẳng nói có, chỉ nói các pháp thật tướng, thí như ánh sáng mặt nhật chẳng làm cao thấp, bình đẳng một chiếu, Phật cũng như vậy, chẳng phải khiến có làm không, chẳng phải khiến không làm có”. Vậy biết nếu mê đại chỉ thì thấy có không. Như trong luận Niết-bàn nói: “Không danh là số của có không. Thật vì pháp không gì chẳng bao gồm. Lý không gì chẳng thấu. Nhưng chỗ thấu suốt đo lá, tục đế vậy”. Trong kinh nói: “Chân đế là gì? Đạo Niết-bàn là tục đế sao? pháp có không là gì? Có là có ở không, không là không ở có. Có không do đó xứng có, không có do đó xứng không, nhưng mà có sinh ở không, không sinh ở có, lia có không không, lia không không có. Có không cùng sinh, đó như cao thấp cùng nghiêng, có cao hẳn có thấp, có thấp hẳn có cao vậy. Nhưng mà có không tuy khác, đều chưa khởi ở có. Đây là nguyên do hình của ngôn tượng, lý do sinh của phải quấy, đâu đủ để thấu tóm, u cực mà phỏng thần đạo đó ư? Vì vậy, luận xứng ra khỏi có không, bởi vì số của có không chỉ ở trong của sáu cảnh. Trong của sáu cảnh chẳng phải vườn nhà của Niết-bàn vậy, mượn ra khỏi để dứt trừ đó vậy. Hầu mong dòng của đạo phản phát nơi đường mờ tối, gá hình tuyệt côi, được ý quên lời, thể đó chẳng phải có chẳng phải không vậy. Đâu nói ngoài của có không riêng có diệu đạo mà có thể xứng ư? Trong kinh nói: Ba vô vi là, bởi là quần sinh rồi nhiều sinh ở thân tai họa hoạn. Oán trách của thuần tai họa. Không gì trước ở có, tuyệt xứng của có không gì trước ở không. Nên mượn không để rõ chẳng phải có đó. Rõ chẳng phải có đó chẳng phải gọi là không vậy. Có danh là, luận chỉ nói Niết-bàn đã chẳng ra khỏi có không, lại chẳng tại có không, chẳng tại có không thì chẳng thể ở có không được đó vậy. Chẳng ra khỏi có không thì chẳng lia có không cầu đó vậy. Cầu đó không chỗ bèn nên đều không, nhưng lại chẳng không đạo đó. Đạo đó chẳng không thì đường mờ tối có thể tìm, do đó ngàn Thánh đồng vết chưa từng lũng dối trở lại ấy vậy. Đạo đó đã còn mà chẳng ra chẳng tại, hẳn có khác yếu chỉ, có thể được nghe ư? Không danh là, phàm nói do danh khởi. Danh vì tướng sinh. Tướng nhân có thể tướng, không tướng không danh, không danh không nói, không

nói không nghe. Trong kinh nói: “Niết-bàn chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp. Không nghe không nói chẳng phải thể tâm biết. Ta làm sao dám nói đó, mà ông muốn nghe nó ư? Tuy nhiên, Thiện Cát có nói: Nếu chúng năng dùng không tâm mà thọ. Không nghe mà nghe, ta sẽ dùng không lời mà nói đó”. Ngõ hầu thuật đạo đó cũng có thể dùng ngôn từ vậy. Tịnh Danh nói: “Chẳng lìa phiền não mà được Niết-bàn”. Thiên Nữ nói: “Chẳng ra cõi ma mà vào cõi Phật”. Nhưng mà Huyền đạo ở tại Diệu ngộ. Diệu ngộ ở tại tức chân. Tức chân đều có không đều quán, có không đều quán thì đây kia chẳng hai. Do đó trời đất cùng ta đồng căn, muôn vật cùng ta một thể, đên ta thì chẳng phải lại có không, khác ta thì trái ở hội thông. Vì vậy, chẳng ra chẳng tại mà đạo còn ở khoảng đó vậy. Tại sao? Phàm, chí nhân rộng tâm ngấm chiếu lý không gì chẳng thấu, ôm hoài sáu hợp trong cõi lòng mà linh xét có thừa, gương muôn tượng ở tắc vuông mà thần đó thường hư rộng, chế năng chọn huyền căn cũng chưa đầu tiên, tức các động lấy tĩnh tâm điềm đạm sâu lắng diệu khế tự nhiên, do đó, ở có chẳng có, ở không chẳng không. Ở không chẳng không nên chẳng không ở không, ở có chẳng có nên chẳng có ở có. Nên năng chẳng ra có không mà chẳng tại có không ấy vậy. Nhưng mà pháp không tướng của có không. Thánh không biết của có không. Thánh không biết của có không thì không tâm ở trong pháp không tướng có không thì không số ở ngoài, ở ngoài không số ở trong không tâm, đây kia tịch diệt, vật ngã ngấm một, sợ vậy không điềm, mới gọi là Niết-bàn. Niết-bàn nếu đo lường đạt tuyệt, đâu chấp nhận mong cầu đó ở trong của có không, lại có thể thành đó ở ngoài của có không ư? Giải thích: Huyền đạo ở tại Diệu ngộ, Diệu ngộ tại ở tức chân là, phàm đạo của u huyền không danh không tướng, tình của cạn gần biết chẳng kịp, ý của thô phù giải khó lường, chỉ ngay lúc của Diệu ngộ, mới tỉnh xét ý chỉ đó, được ý chỉ đó nên thật chẳng nghĩ bàn. Tâm cảnh dung thông như đồng thần biến, chỉ pháp giới ở trong lòng bàn tay, thấu muôn tượng ở trước mắt, như gương soi chiếu hư không bao hàm một thời bình hiện, đã không trước sau cũng tuyệt khoảng giữa. Diệu chỉ sáng rõ, ngôn từ tuyệt vậy. Có thể gọi là diệu ngộ, có thể gọi là tức chân, thì có không đều quán, đây kia chẳng hai, chẳng ra chẳng tại. Đạo đó tại đây ư?

Hỏi: Cảnh giới sáu trần chỉ nương vọng niệm mà có sai biệt. Nếu người không niệm, lại thấy tất cả cảnh giới chẳng?

Đáp: Vọng niệm chấp có, tiền trần khởi thật hiểu biết, diệu tánh chẳng thông, bèn thành sai biệt, nếu người không niệm chẳng phải là

lìa niệm, chỉ là tức niệm không niệm. Niệm không khác tướng, tuy có thấy nghe đều như huyền hóa. Lại, một niệm chóng viên, thường thấy mười pháp giới muôn pháp lý của Trung đạo. Các bậc Cổ đức có hỏi: Nếu nói niệm chỉ không niệm, đâu được toàn chẳng nghe chẳng thấy thanh sắc người vật v.v... ư? Đáp: Chỉ nghe thấy, vì nghe thấy tức chẳng nghe thấy vậy. Tại sao? Vì chỉ nghe thấy các pháp thanh sắc v.v... tức là các thức nhãn nhĩ v.v... thấy nghe vậy. Biết sắc thanh của vật v.v... tự là ý thức phân biệt vậy, những nhãn thức v.v... thấy nghe tánh không riêng biệt, chỉ xứng các pháp sắc v.v... được lại không khác duyên vậy. Ý thức vọng có, rõ biết không thể, chỗ biết như huyền vậy, nên nói chỗ thấy sắc cùng mù đồng nhau. Lại quán các pháp sắc thanh v.v... kia từ duyên sinh, duyên không tác giả, tự tánh chẳng có, nên chẳng phải người vật v.v... vậy. Lại, người vật v.v... do danh tướng khởi. Danh tướng chẳng phải kia tức vọng trừ vậy, tức đây chỉ do thấy nghe v.v... nên tức không niệm, chẳng phải nghĩa là người mù điếc một niệm không niệm vậy. Như nói nghe chẳng nghe thấy chẳng thấy v.v... ấy vậy. Nên trong kinh nói: Thường cầu không niệm thật tướng trí tuệ v.v... ấy vậy. Lại chỉ căn cứ duyên khởi gọi là thấy cầu duyên thấy thật chẳng sinh. Thấy đây mới gọi là chân thấy. Tại sao? Thấy của không thấy chiếu pháp giới vậy. Do đó, trong luận Bảo Tạng nói: “Không mắt không tai gọi đó là lìa, có thấy có nghe gọi đó là vi, không ngã không tạo gọi đó là lìa, có thông có đạt gọi đó là”. Lại, lìa là Niết-bàn, vi là Bát-nhã, Bát-nhã nên chóng phát đại dụng, Niết-bàn nên tịch diệt không thừa, không thừa nên phiền não trọn hết. Đại dụng nên Thánh hóa vô cùng. Nếu người chẳng đạt lìa vi, tuy khổ hạnh đầu- đà xa lìa cảnh trần đoạn tham nhuế si, pháp nhãn thành tựu trải qua vô lượng số kiếp trọn chẳng vào chân thật. Tại sao? Nương tựa chỗ hành nên tâm có chỗ được, chẳng lìa các thấy điên đảo mộng tưởng ác giác. Nếu có người hiểu rõ lìa vi là, tuy gần có tập khí vọng tưởng và thấy phiền não, luôn luôn rõ biết nghĩa của lìa vi, thì người này chẳng bao lâu tức vào đạo Vô thượng chân thật vậy. Tại sao? Rõ chánh kiến căn bản vậy.

Giải thích: Lìa vi là thể dụng của muôn pháp vậy. Lìa tức là thể. Trong kinh nói: “Tự tánh kia nên cũng gọi là tự tánh không vậy”. Đây mới là không danh không tướng chẳng phải thấy chẳng phải nghe, thông thể của Thánh phạm, là nguồn của chân tục. Trong kinh Tư Ích nói: “Biết lìa, gọi là pháp, tức chỗ về của chư Phật chỗ gọi là pháp vậy”. Vi tức là dụng, có thấy có nghe năng thông năng đạt, vì vi là diệu vậy, ở trong không thấy có thấy, ở trong không nghe có nghe, đó mới là pháp

chẳng nghĩ bàn. Vi diệu khó biết, chỉ Phật năng rõ. Trong kinh Tư Ích nói: “Biết pháp gọi là Phật. Là vi chẳng hai, thể dụng hòa dung, gọi đó là tăng, thì một thể Tam bảo thường hiện ở thế gian, có Phật không Phật tánh tướng thường trú, tức gốc của chánh kiến môn của chân thật vậy”. Nên Thánh nhân chiếu thể là không, căn cứ dụng là có, có đây chẳng có, tức có để biện ở không, ngay không chẳng phải không, tức không để biện ở có. Có mà chẳng có là diệu hữu, không mà chẳng không là chân không. Nên chân không là thể của Niết-bàn. Như thái hư chẳng tạp ở năm sắc, tự gương sáng chẳng hợp ở muôn tượng, nên xưng là lìa vậy. Diệu hữu là dụng của Bát-nhã, ở trong pháp chẳng hai hiện diệu thần thông, hướng đến trong môn vô tác phát Phật sự lớn, nên xưng là vi. Do vì phạm phu chẳng đạt lìa vi, nên thường bị chõ kết bên trong trói buộc, chõ trần bên ngoài trùm nhất. Ngoại đạo tức chấp làm đoạn thường. Hàng Nhị thừa bền vững làm sinh diệt. Nếu chẳng vào trong Tông Kính, khó rớt ráo diệu chỉ của lìa vi vậy.

Hỏi: Vô minh trái nghịch lý, tự tánh sai biệt, sự đó có thể vậy, còn Bản giác tịnh pháp, cố sao lại nói hằng sa công đức sai biệt ư?

Đáp: Do đối trị nhiệm pháp sai biệt kia nên thành thủy giác muôn đức sai biệt vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Đối nghiệp thức v.v... sai biệt nhiệm pháp nên nói bản giác hằng sa tánh đức”. Nhiệm tịnh như vậy đều là chân như tùy duyên hiển hiện tự mà không thể, nhiệm pháp còn không, tịnh pháp sao có. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Thấy thật tánh dơ, tức không tướng sạch”. Lại, chỗ nói là sạch, tức đối dơ mà được tên, nhân khách trần phiền não chẳng nhiễm mà nhiễm dơ uế chân tánh, gọi đó là dơ, nhân thủy giác Bát-nhã chẳng sạch mà sạch khai ngộ bản tâm, gọi đó là sạch. Vì vậy, chân như một tâm lặng yên chẳng động, danh nghĩa tuy khách, dơ sạch vốn không. Tổ Sư nói: Tánh vốn thanh tịnh, tịnh không tướng tịnh, mới thấy tâm ta. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Nếu có biết Như Lai
Thể tướng không chõ có
Tu tập được sáng rõ
Là người chóng làm Phật”.*

Nên trong kinh nói: “Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay thường vào Niết-bàn, Bồ-đề chẳng phải có thể tu, tướng chẳng phải có thể sinh tướng. Rớt ráo không được, không có sắc tướng mà có thể được thấy. Thấy sắc tướng là, phải biết đều là tùy dụng nhiễm huyễn, chẳng phải là tướng của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng chẳng thể được vậy.” Giải

thích: Tùy dụng nhiệm huyễn là, pháp không lưu vậy. Nhiệm huyễn tánh tự sai biệt là, pháp vô minh vậy, vì vô minh kia mê lý bình đẳng, cho nên tánh đó tự sai biệt. Các pháp không lưu thuận tánh không bình đẳng. Luận tánh đó tức không sai biệt, chỉ tùy tướng nhiệm pháp sai biệt nên nói không lưu có sai biệt vậy. Lại, nếu năng quán tâm tánh, pháp nhĩ hiển tánh khởi công đức, là vô tận pháp môn, chẳng phải luận sai biệt. Như trong kinh Vô Tận Ý Bồ-tát nói: “Thế nào là Bồ-tát quán tâm niệm xứ? Cho đến nay ta phải chuyên tu tập trang nghiêm chẳng lìa tâm tánh. Thế nào là tâm tánh? Thế nào là trang nghiêm? Tâm tánh là giống như huyễn hóa, không chủ không làm không có thi vi. Trang nghiêm là chỗ làm bố thí đều đem hồi hướng nghiêm tịnh cõi Phật. Cho đến dùng một niệm trí, thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Xá-lợi-phất! Đó gọi là Bồ-tát chánh tâm niệm xứ mà chẳng thể tận”. Giải thích: Tâm tuy tánh không, năng thành muôn hạnh. Rõ đó thì chóng viên chánh giác, tu đó mà rộng đủ trang nghiêm. Nên nói thể tánh tuy không năng thành pháp tắc. Lại nói: Vicó nghĩa không nên tất cả pháp được thành. Nếu lìa môn chân không đây không có một pháp kiến lập, thì Bồ-tát Hạnh phế bỏ, Phật đạo chẳng thành tựu. Như chẳng nương phong luân thế giới rơi hoại.

Hỏi: Tất cả chúng sinh từ vô thủy chủng tử vô minh bền chắc hiện hành sâu dày, làm sao một niệm mà được chóng trừ?

Đáp: Căn tùy kết sử, thể tánh vốn không, ngu phu chẳng rõ tự sinh trôi buộc. Nếu rõ Phật thấy biết khai ngộ bản tâm, thì có trần cảnh nào mà năng chướng ngại ư? Trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Phật dạy: Thí như đèn đốt sáng thì tất cả tối tăm đều tự không có, không từ chỗ nào lại, đi không chỗ đến, chẳng phải từ phương Đông lại, đi cũng chẳng đến, phương Nam Tây Bắc bốn góc trên dưới, chẳng từ kia lại, đi cũng chẳng đến, mà ánh sáng đèn đây không có ý niệm ta năng diệt tối. Chỉ nhân pháp đèn sáng tự không tối. Sáng tối đều không, không làm không thủ. Như vậy, Ca-diếp! Thật trí tuệ sinh không trí bèn diệt. Trí và không trí hai tướng đều không, không làm không thủ. Ca-diếp! Thí như phòng nhà tối tăm ngàn năm chưa từng thấy sáng, nếu lúc đốt đèn, ý ông nghĩ thế nào? Tối tăm đâu có nghĩ trở đây lâu đâu muốn đi ư? Không vậy, bạch Đức Thế Tôn! Nếu lúc đốt đèn, tối tăm đó không lực, mà chẳng muốn đi hẳn phải diệt mất. Đúng vậy, Ca-diếp! Trăm ngàn muôn kiếp lâu tập kết nghiệp, dùng một thật quán tức đều tiêu diệt. Đèn sáng đó là trí tuệ Thánh, tối tăm đó là các kết nghiệp vậy. Chỗ nói được thật quán, tức là Duy tâm chân như thật quán, lìa ngoài đó ra đều thành hư huyễn,

nên gọi là cảnh giới một thật, cũng gọi là thật tướng thật địa thật tế thật pháp, cho đến gọi là Phật thấy biết, trí tuệ Thánh v.v... Dùng pháp một tâm đây trị bệnh phiền não, như bệnh nhiệt được đổ mồ hôi, không gì chẳng nên tay làm. Đạo của xuất yếu chỉ tại đây ư? Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Bấy giờ Bồ-tát chiếu rõ đạo Bồ-tát, tâm đó an ổn tự nghĩ ta chỉ đoạn chấp tâm trước, đạo tự nhiên đến. Biết sự đó rồi, nghĩ niệm chúng sinh đắm sâu thế gian mà rối ráo không, cũng không không tánh, không có trú xứ, chúng sinh khó thể tin thọ. Vì khiến chúng sinh tin thọ pháp đó nên học tất cả pháp. Tu hành sinh khởi là pháp phương tiện độ chúng sinh. Quán chỗ tâm hành chúng sinh khởi biết ưa pháp gì nghĩ sự gì, chí nguyện ở đâu? Lúc quán đều biết chỗ chúng sinh đắm ở, đều là hư dối điên đảo nghĩ tướng phân biệt nên đắm trước có không căn bản thật sự. Khi ấy Bồ-tát rất hoan hỷ nghĩ rằng: Chúng sinh dễ độ vậy! Tại sao? Chỗ chúng sinh đắm trước đều là hư dối không thật. Thí như người có một đứa con ưa thích vui đùa nơi bờ bãi, nhóm đất làm lúa thóc, dùng cây cỏ làm chim thú mà sinh vui thích đắm trước. Nếu người đoạt phá thì sân nhuế gào khóc. Người cha đã biết, đứa con này tuy ưa thích đắm trước, mà việc này dễ lìa, nhỏ tuy vậy, nhưng lớn sẽ tự thôi. Tại sao? Vật này chẳng chân vậy. Bồ-tát cũng như vậy, quán chúng sinh mền thấm thân dơ bất tịnh và năm món dục, là vô thường, các thứ nhân khổ, biết là chúng sinh được tín v.v... năm căn lành, lúc thành tựu tức năng lìa bỏ. Như chỗ trẻ nhỏ ham ưa đắm trước, thật là chân vật, tuy tuổi đến trăm năm đắm trước đó càng sâu, chẳng thể xả bỏ được. Nếu chỗ chúng sinh đắm trước, vật là thật có, tuy được tín v.v... năm căn, nhưng đắm trước đó chuyển sâu cũng chẳng năng lìa. Vì các pháp đều không hư dối, nên lúc được vô lậu mất trí tuệ thanh tịnh tức năng xa lìa chỗ đắm trước, rất tự hổ thẹn. Thí như chỗ người bệnh cuồng làm điều phi pháp, sau khi tỉnh ngộ xấu hổ không dám lộ mặt. Bồ-tát biết chúng sinh dễ độ rồi, an trú trong Bát-nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh”. Vì vậy, trong kinh Như Lai Mật Tạng nói: “Nếu người cha làm Duyên giác mà hại trộm vật Tam bảo, người mẹ làm La-hán mà dơ uest, với sự chẳng thật mà phỉ báng Phật, nói lời hai lưỡi vang cả Thánh hiền, nói lời thô ác mắng rủa Thánh nhân, hoại loạn kẻ cầu pháp. Trong năm tội nghịch, nghiệp đầu tiên là sân, tham đoạt vật người trì giới, si của biên kiến, là mười ác. Nếu năng biết Như Lai nói pháp nhân duyên không ngã nhân chúng sinh thọ mạng, không sinh không diệt không nhiễm không đắm, bản tánh thanh tịnh. Lại ở nơi tất cả pháp, biết bản tánh thanh tịnh hiểu biết tin vào là, ta chẳng nói người đó chẳng hưởng

đến quả địa ngục và các đường ác. Tại sao? Pháp không tích tụ, pháp không tập nã, tất cả pháp chẳng sinh chẳng trú, nhân duyên hòa hợp mà được sinh khởi, khởi rồi lại diệt. Nếu tâm sinh rồi diệt, tất cả kết sử cũng sinh rồi diệt. Hiểu giải như vậy, không xử phạm, nếu có phạm có trú, điều ấy không có”. Thai Giáo giải thích: Kinh đây nêu đủ bốn tâm Bồ-đề. Nếu biết Như Lai nói pháp nhân duyên, tức chỉ tâm Bồ-đề của tạng giáo thứ nhất. Nếu không sinh không diệt, tức chỉ tâm Bồ-đề của Thông giáo thứ hai. Nếu bản tánh thanh tịnh tức chỉ tâm Bồ-đề của Biệt giáo thứ ba. Nếu ở tất cả pháp biết tánh thanh tịnh, tức chỉ tâm Bồ-đề Viên giáo thứ tư, tâm Bồ-đề thứ nhất đã năng trừ lớp lớp mười ác, huống gì tâm Bồ-đề thứ hai thứ ba thứ tư ư? Hành giả nghe công đức thắng diệu đây, sẽ tự mừng vui. Như lan ở xứ tối kia được ánh sáng chiên-đàn. Nên biết thấy Phật tội diệt, như tội khiên sâu nặng của vua A-xà-thế, đắc đạo nghiệp mất, như trọng tội của Ương-quật-ma-la, chỉ rõ không nhân không ngã, duyên sinh tánh không. Không ngã thì không người năng thọ tội. Tánh không thì không pháp chỗ thọ tội. Nhân pháp đều lặng lẽ tội cấu sao sinh. Vì tâm sinh tội sinh tâm diệt tội diệt vậy. Nếu năng tin vào, chắc rõ tròn sáng như vậy, giống như rừng của lan kia lan tỏa mùi hương của chiên-đàn, tợ phòng nhà của tích chứa tối tăm, ánh sáng của diệu quế đốt hết. Năng ngộ tâm đây công lực vô lượng, mới vào Tông Kính, biển nghiệp chóng khô, như gió thổi mây, tợ nước nóng rưới tuyết, như đèn phá tối, tợ lửa đốt củi. Như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Như lửa đốt bụi lớn
 Phút chốc thành tro tàn
 Lửa trí đốt củi nghiệp
 Phải biết cũng như vậy
 Lại như đèn phá tối
 Một niệm sạch không thừa
 Các nghiệp tập tối tăm
 Huân tụ từ vô thủy
 Đèn trí mâu-ni khởi
 Sát-na đều chóng diệt”.*

Do đó, trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Lúc có trí tuệ thì không phiền não”. Nên nói, phàm khỏi nghiệp ác ba đường, cần phải lia hai tướng có không, chứng giải một tâm mới được giải thoát vậy. Vậy, biết mê từ tâm mê khởi, ngộ trở lại tự tâm ngộ, mê ngộ không tánh chỉ nhậm duyên phát. Như trong luận Hoa Nghiêm có hỏi: Tất cả chúng

sinh vốn có trí chẳng động, cứ sao chẳng ứng chân thường, cứ sao tùy nhiệm? Đáp: Tất cả chúng sinh vì trí đây mà sinh ba cõi là, vì trí không tánh chẳng năng tự biết là trí chẳng phải trí. Thiệt ác khổ lạc v.v... các pháp. Vì trí thể không tánh, chỉ tùy duyên hiện. Như vang vọng trong hư không ứng vật thành âm thanh. Trí của không tánh chỉ ứng duyên phân biệt. Vì phân biệt nên si ái tùy khởi, nhân si ái nên tức bệnh ngã sở sinh. Có ngã sở nên nghiệp chấp tự tha bèn khởi, nhân chấp thủ nên gọi là Mạt-na, chấp thủ chẳng đoạn gọi đó là thức. Nhân chủng tử thức sinh tử tương tục. Vì sinh tử nên các khổ vô lượng. Vì khổ vô lượng mới cầu đạo của chẳng khổ, người mê chẳng biết khổ, chẳng năng phát tâm, người biết khổ cầu chân trở lại là bản trí. Hiểu khổ duyên nên mới năng biết khổ, chẳng hiểu khổ duyên chẳng năng biết khổ. Nên biết khổ duyên nên mới phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có chủng tánh Bồ-tát vì đời trước đã biết khổ. Phát chủng tin hiểu mạnh là tuy thọ quả lạc trời người cũng năng phát tâm cầu đạo Vô thượng. Cho nên nhân trí tùy mê, nhân trí tùy ngộ, cho nên như người nhân đất mà té nhân đất mà dậy, chánh lúc tùy mê gọi đó là thức, chánh lúc tùy ngộ, gọi đó là trí, tại trí buộc gọi là thức, tại giác ngộ gọi là trí. Thức đó và trí vốn không tự có tên, chỉ tùy mê ngộ mà lập tên đó. Nếu tìm thủy chung, như trong hư không tìm vết, như trong ảnh cầu người, như trong thân cầu ngã, nường trú chỗ có, trọn chẳng thể được vậy, nên mới ngắn dài tướng của xứ sở vậy. Như đây, vô minh và trí không có thủy chung, nếu lúc được Bồ-đề vô minh chẳng diệt. Tại sao? Vì vốn không nên không có diệt, nếu lúc tùy vô minh, trí chẳng động cũng chẳng diệt. Vì vốn không, nên cũng không diệt, chỉ là tùy chỗ sắc thanh hương thủ duyên, gọi đó là vô minh, chỉ là duyên biết khổ mà phát tâm, gọi đó là trí, chỉ tùy duyên gọi đó là có. Nên thể vốn không vậy. Như âm vang giữa hư không, tư duy đó chẳng thể thấy. Vì vậy, nếu vào Tông Kính, nghĩa thành Phật tròn, lên xuống tùy duyên, biết chúng sinh không nghĩa trọn đắm chìm. Thánh nhân chẳng cách biệt, rõ văn từ của chư Phật có đồng thể.

Hỏi: Như trên nói một tâm, biến các pháp môn, đó là pháp tự hành quyền thật hay là pháp hóa tha quyền thật?

Đáp: Nếu nói tùy tự ý tự hành quyền thật, thì chỉ nói môn một tâm. Nếu tùy tha ý hóa tha quyền thật rộng mở tám muôn pháp. Nay chỉ nói tự hành quyền thật, gốc ngọn về tông. Trong Thai Giáo nói: Nếu chỗ trong tâm Phật quán mười giới mười như đều tướng Vô thượng. Chỉ là pháp giới một Phật. Như biển bao gồm các dòng, ngàn xe cùng một vết, đây tức tự hành quyền thật. Nếu tùy tha ý v.v... thì có chín pháp giới

ngàn như, tức là hóa tha quyền thật. Tùy tha thì mở tùy tự thì hợp, ngang dọc chiếu khắp, mở hợp tự tại, tuy mở vô lượng, vô lượng mà một, tuy hợp làm một một mà vô lượng, tuy vô lượng một mà chẳng phải một chẳng phải vô lượng, tuy chẳng phải một chẳng phải vô lượng mà một mà vô lượng.

Hỏi: Hai môn tự tha quyền thật đây ở trong chánh lý quyết định ư?

Đáp: Chỉ môn tùy tha không có quyết định. Trong kinh nói: “Không có định pháp nên gọi là A-nậu Bồ-đề, nếu chấp một môn, đều thành ngoại đạo, hoặc định một tướng tức thành thiên ma”. Vì vậy tất cả pháp quyền tất cả pháp thật, tất cả pháp cũng quyền cũng thật, tất cả pháp chẳng phải quyền chẳng phải thật. Trong Thai Giáo nói: Nếu tất cả pháp quyền, chỗ nào chẳng phá? Như Lai chỗ có nói còn đều là quyền hưởng gì là nhân sư. Nếu tất cả pháp đều thật là, chỗ nào chẳng phá? Chỉ một sự đây thật, chỉ một đạo cứu cánh, sao được lắm nhiều đạo cứu cánh ư? Nếu tất cả pháp cũng quyền cũng thật, lại chỗ nào chẳng phá? Tất cả đều có quyền có thật, chẳng được một hưởng quyền một hưởng thật. Nếu tất cả pháp chẳng phải quyền chẳng phải thật, lại chỗ nào chẳng phá? Sao được lẫn lộn cương sinh kiến lập? Các bậc Cổ đức nói: Tức thật mà quyền thì có mà chẳng có, tức quyền mà thật, thì không mà chẳng không. Nếu song ngăn quyền thật tức có không đều chẳng phải. Nếu song chiếu quyền thật thì có không đều phải. Nếu chẳng phải ngăn chẳng phải chiếu, thì phải quấy đều quấy, mà ngăn mà chiếu thì phải quấy đều phải. Nếu phải quấy đều phải, trọn ngày quấy mà chẳng quấy, nếu phải quấy đều quấy, trọn ngày phải mà chẳng phải. Nếu phải mà chẳng phải thì là quấy chẳng phải quấy của quấy. Nếu quấy mà chẳng quấy thì chẳng phải phải là phải của phải. Vậy thì tâm bao gồm sắc, chưa sắc suốt nguồn tâm, sắc tâm một như, sao quấy sao phải nên biết ngoài tâm có pháp thì phải quấy đua tranh sinh, ngoài pháp không tâm thì lấy bỏ đều mất.

Hỏi: Tông Kính Lục đây gồm thuộc giáo nào?

Đáp: Chân Duy thức tánh, lý không thiên viên, căn cứ thấy chẳng đồng, lược phân năm giáo: Một, Tiểu thừa giáo, chỉ nói sáu thức, chẳng biết thức Lại-da thứ tám. Hai, Sơ giáo nói có Lại-da sinh diệt, cũng chẳng nói có Như Lai tạng. Ba, Chung giáo, có Như Lai tạng sinh diệt và chẳng sinh diệt hòa hợp làm thức A-lại-da. Bốn, Đốn giáo đều không các thức sáu bảy tám, vì một tâm chân thật từ xưa đến nay không có động niệm, thể dụng không hai cho nên không có vọng pháp có thể

hiển. Năm, một thừa Viên giáo, nói trí của Phổ Hiền tròn sáng, không nói Duy thức thứ lớp. Lại nói: Phật tử! Ba cõi hư ngụy chỉ một tâm làm, cũng gồm vào vậy. Tông đây thì chỗ Viên giáo gồm thuộc, là chỗ Như Lai nói: Căn bản của pháp môn. Vì Như Lai nương tâm đây, thành Phật nên tâm đây được làm nghĩa căn bản Như Lai, không có một pháp nào chẳng gồm thấu, không một lý nào chẳng đủ, như gương sáng chiếu vật sao có sát thừa. Nếu bảo ẩn vân thành, bèn không trước sau.

Hỏi: Phạm lập đạo của năm thừa đều vận chuyển có tâm, nếu cảnh thức đều mất thì không thừa có thể nói, nay căn cứ phương tiện, thừa lý chẳng không, Tông đây cứu cánh thuộc thừa nào gồm?

Đáp: Ở trong các thừa, thuộc một thừa gồm cũng nói là thừa của tối thượng, vượt quá đánh các pháp vậy, cũng gọi là thừa chẳng nghĩ bàn, chẳng phải tình thức so lường vậy. Nay nói một thừa, tức một tâm vậy, lấy vận động làm nghĩa, nếu phan duyên thủ cảnh thì vận động vào môn sáu thú, nếu vọng tưởng chẳng sinh thì vận đến địa một thật. Trong kinh Lăng-già nói: “Thế nào là được một thừa Đạo giác? Đó là gồm và sở gồm vọng tưởng như thật ở chẳng sinh vọng tưởng, đó gọi là một thừa giác”. Đây thì rõ sinh tử vọng tức Niết-bàn chân, chứng ngộ một tâm, lại không chỗ thú mới chẳng giác mà giác, xưng là Đại giác, chẳng lại mà lại, gọi là Như Lai. Do vì tình trần đã trừ, nhân thừa tức là chân đế, tâm vết chưa mất, còn chẳng phải cứu cánh. Tại sao? Có tâm phân biệt, tất cả đều tà, không ý phan duyên muôn đường tự chán. Vì vậy, thừa của không thừa là một thừa, giáo của không giáo là chân giáo, cất bước mà bèn lên bảo sở, mở lời mà tức khế hợp không sinh. Nếu chưa năng muôn cảnh đều quán, một pháp chóng ngộ, bèn là giáo mở tám giáo, thừa ra năm thừa, thì Bảo sở xa vời đâu chỉ năm trăm, không sinh đường vội nào chỉ ba kỳ. Luận về vị thì trời đất cách tuyệt, so sánh công thì ngày kiếp gấp bội, tuy lên Thánh vị vẫn còn là người tuyệt phần, trải kiếp luyện mài, chỉ được xưng giả danh, nếu đạt yếu chỉ đây, vào thẳng không nghi ngờ, đang mê tâm mà thấy ngộ tâm, toàn thành giác đạo, tức thế trí mà thành chân trí, chẳng đổi mảy may, có thể gọi là hư minh tự chiếu, chẳng nhọc tâm lực vậy.

Hỏi: Đã có năng thuyết hản đối sở có, Tông Kính đây tương đương các có nào?

Đáp: Đáng thượng thượng cơ. Nếu đã đạt là nhờ yếu chỉ Phật mà ẩn khả. Nếu chưa vào là nhờ giáo lý mà phát minh. Lại, nếu là người của viên thông, chẳng đợi phải thuật, tự giác Thánh trí không nói không bày, diệu tánh chân như không được không nghe. Nếu là kẻ ám muội,

phải nhờ hỗ trợ thành, nhân giáo lý mà chiếu tâm, tức lời lẽ phân tích mà rõ đạo. Nếu Tông rõ thì giáo dứt, đạo hiển thì lời không, đối đãi chân tâm, cảnh trí đều mất vậy. Như vậy thì mới vào Tông Kính sâu đạt huyền môn, chân năng nghe Phật nói kinh, thân đàm diệu chỉ, có thể gọi là được tánh của các pháp, thấu suốt nguồn một tâm. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “A-nan nhờ Phật xót thương cứu vớt, hối hận khóc than, xoa tay thưa bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con tuy nương diệu âm như vậy của Phật, ngộ tâm diệu minh vốn chỗ tâm địa tròn đầy thường trú. Mà con ngộ Phật hiện nói Pháp Âm, hiện lấy duyên tâm chỗ đáng chiêm ngưỡng, luống nhọc được tâm đây, chưa dám nhận làm tâm địa xưa nay, xin Phật xót thương tuyên bày viên âm, nhổ rễ nghi ngờ nơi con để về đạo Vô thượng! Phật dạy: A-nan! Các ông còn lấy duyên tâm nghe pháp, pháp đây cũng duyên, chẳng phải được pháp tánh. Như người dùng tay chỉ mặt trăng cho người, người kia nhân tay, đáng nên nhìn mặt trăng. Nếu là dùng tay mà cho là thể mặt trăng, thì người ấy chẳng chỉ mất mặt trăng mà cũng mất tay đó. Tại sao? Do vì vươn tay làm trăng sáng vậy. Đâu chỉ mất tay mà cũng chẳng nhận biết sáng đó là tối. Tại sao? Tức vì lấy thể tay làm tánh trăng sáng. Sáng tối hai tánh không chỗ rõ vậy. Ông cũng như vậy, nếu lấy phân biệt pháp âm ta nói để làm tâm ông là, tâm đây tự nên là âm phân biệt, có tánh phân biệt. Thí như có khách lữ dừng ngủ nơi đình, tạm dừng rồi bèn đi, trọn chẳng thường trú. Mà người trông coi đình trọn không chỗ đi, gọi là chủ đình. Đây cũng như vậy, nếu chân tâm ông thì không chỗ đi. Tại sao Lìa âm thanh, không tánh phân biệt. Đó thì đâu chỉ âm thanh phân biệt tâm phẩm dung mạo ta lìa các sắc tướng, không tánh phân biệt, như vậy cho đến phân biệt đều không chẳng phải sắc chẳng phải không. Câu-xá-lợi v.v... mờ tối làm tối thật, lìa các sắc duyên không tánh phân biệt, thì tâm tánh ông mỗi có chỗ trở về. Thế nào là chủ? Giải thích: A-nan: nói mà con ngộ Phật hiện nói Pháp âm, hiện dùng duyên tâm chỗ đáng chiêm ngưỡng, luống nhọc được tâm đây chưa dám nhận tâm địa xưa nay là, A-nan: còn nhận duyên tâm nghe âm thanh Phật nói pháp lấy làm chân tâm thường trú, chấp thủ yếu chỉ nhất định của Phật. Phật dạy: Nếu chấp tâm nhân duyên nghe là chỉ được pháp nhân duyên, vì pháp từ tình biến, cảnh theo tâm sinh vậy. Lại, định duyên âm thanh Phật là tự tâm là, nếu lúc âm thanh nói pháp dứt thì tâm phân biệt nên diệt. Tâm đây như khách chẳng thường trú vậy. Thời nay phần nhiều mê tự tánh vốn nghe, chỉ tùy nghe của năng sở, một hướng theo âm thanh kẻ khác lưu chuyển. Âm thanh đây là pháp chỗ tối nhân duyên

mà sinh, chẳng phải chân thật có. Chỉ nhân âm thanh mà lập danh tự, nhân danh tự mà có phân bày. Nếu xoay lại vốn nghe thì thoát cảnh của thanh trần, cảnh của chỗ thoát đã hư. Danh của năng thoát sao lập, thì năng thoát sở thoát đều không. Vì mạnh nhớ nghe nhiều là ngăn mé của thức tướng. Vốn chẳng phải thật vậy. Nếu nhân nghe thấy tánh, thì nghe nhiều có công của hỗ trợ hiển, nếu trái tánh theo thì chứa nghe thành lỗi lầm tà tư. Nên Bồ-tát văn- thù có kệ tụng nói:

“Nay cõi Ta-bà đây, thanh luận được tuyên rõ, chúng sinh mê vốn nghe, theo tiếng nên lưu chuyển. A-nan buồn thả mạnh nhớ, chẳng khỏi lạc tà tư. Đâu chẳng tùy chỗ đắm, xoay chảy được không vọng. A-nan ông lắng nghe, ta nương oai lực Phật, tuyên nói Kim Cang Vương, như huyền chẳng nghĩ bàn, Phật Mẫu Chân Tam-muội. Ông nghe vô số Phật, tất cả môn Bí mật, dục lậu chẳng trừ trước, chứa nghe thành lỗi lầm, đem nghe trì Phật Phật, sao chẳng tự nghe nghe, nghe chẳng tự nhiên sinh. Nhân tiếng có danh tự, xoay nghe cùng tiếng thoát, năng thoát muốn tên ai. Một cản trở lại nguồn, sáu căn thành giải thoát, thấy nghe như huyền mờ, ba cõi tự không hoa, nghe lại căn mờ trừ, trần tiêu giác viên tịnh”. Nên biết Nhĩ căn trở về cội nguồn, sáu căn đều tịch diệt, vì sáu căn đồng một tâm vậy. Tại sao? Tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, nếu lúc gồm dụng về căn, thấy nghe như huyền che mờ, nếu lúc gồm cảnh về tâm, ba cõi tự hoa đốm hư không, thì che mờ diệt trần tiêu, giác viên tâm tịnh. Giải hiểu như vậy là nhân tay mà thấy trắng nương giáo mà rõ tông ấy vậy. Nếu chấp tay là trắng, mê tâm theo văn là, như trong kinh nói, như người dùng tay chỉ mặt trắng cho người, người kia nhân tay đáng nên nhìn mặt trắng. Nếu lại nhìn tay mà cho là thể mặt trắng, thì người ấy đâu chỉ mất mặt trắng mà cũng mất tay đó. Phàm ba thừa mười hai phần giáo như tay chỉ mặt trắng. Nếu năng thấy trắng rõ biết chỗ chỉ, như nhân giáo rõ tâm, từ ngôn thấy tánh, thì biết ngôn giáo như tay, tâm tánh như trắng, ngộ ngay đạo là trọn chẳng kẹt ngôn. Người thật thấy trắng là chẳng còn tay. Hoặc lúc xem kinh nghe pháp, chẳng mỗi mỗi tiêu về tự mình, chỉ theo văn cú danh thân mà chuyển, tức là nhìn tay mà cho là thể mặt trắng. Người ấy đâu chỉ chẳng thấy tự tánh, cũng chẳng biện rõ giáo văn. Tay và trắng cả hai đều mê, giáo quán đều mất. Nên trong kinh nói: Người ấy đâu chỉ mất mặt trắng mà cũng mất tay đó. Lại, đã mất tay đó, chẳng phải chỉ chẳng rõ chân vọng của tự tâm mà cũng chẳng nhận biết ngăn bày của giáo, nhằm loạn đảo điên, chẳng biện phương góc, như chim nói không như chuột nói tức, tự hình âm hưởng đâu hợp chánh tông. Nên trong kinh

nói, đầu chỉ mất tay mà cũng chẳng nhận biết sáng đó và tối. Tại sao? Tức lấy thể tay làm tánh trăng sáng. Sáng tối hai tánh không chỗ rõ vậy. Vì vậy, trong Chứng Đạo Ca nói: “Tôi từ tuổi trẻ đến nay tích chứa học hỏi, cũng từng bàn sơ tìm kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết nghỉ, vào biển đếm cát luống tự khổ, tức bị Như Lai nhọc mắng chê. Đếm châu báu người đâu ích gì, từ đó lại ngơ ngác rõ hư hành, nhiều năm uống làm khách gió bụi, chửi tánh tà nhầm hiểu biết, chẳng đạt chế viên của Như Lai. Hai thừa tinh tấn chớ nói tâm, ngoại đạo thông minh không trí tuệ, cũng ngu si cũng lẫn thẩn, không trên nắm tay sinh thật hiểu, chấp tay là trăng nhọc thi công, trong pháp căn cảnh không nắm lạ, chẳng thấy một pháp tức Như Lai, mới được gọi là quán tự tại”. Cho nên nếu tâm chân thật chẳng theo tiếng kẻ khác mà khởi phân biệt, lặng yên thường chiếu, tánh tự rõ vậy. Như người trông coi đình đều không chỗ đi. Vì sao? Lìa sắc lìa thanh không tánh phân biệt, đây phải lúc được yếu chỉ thân thấy tánh, mới biết lìa các duyên thanh sắc, tánh tự thường trú chẳng gá tiền trần chỗ khởi thấy biết, thì ngộ từ vô thủy đến nay đều là chấp tiếng làm nghe mà sinh điên đảo. Nên Bồ-tát Văn-thù có kệ tụng nói:

“Ông xoay ngược cơ nghe

Lại nghe nghe tự tánh

Tánh thành đạo Vô thượng

Viên thông thật như vậy”.

Nếu chẳng phải sắc chẳng phải không đều không phân biệt. Người chẳng thấy tánh đến lúc này toàn quy về đoạn diệt, bèn đồng ngoại đạo Câu-xá-ly v.v... mắt mình chẳng mở mờ tối làm tối thật, vì mờ mịt tối tăm không biết lấy làm chỉ cực, từ đây lại lập hai mươi lăm đế, mê tâm chân thật thành chửi ngoại đạo. Hoặc có Thiên tông chẳng được yếu chỉ là pháp học khởi không thấy người, phần nhiều phải bỏ tâm cảnh đều không, chấp không phân biệt, lấy cuồng giải si mù làm chí đạo, nhưng chẳng phải lìa nhân duyên để cầu pháp tánh, diệt vọng tâm thủ chân tâm, đối với người tăng thượng mạn là chẳng phải sấm đồng nên phải luyện riêng, như trong kinh nói: “Lìa duyên các pháp không tánh phân biệt thì tánh ông mỗi mỗi có chỗ trở về. Thế nào là chủ? A-nan thưa: Nếu tâm tánh con mỗi có chỗ trở về, thì Như Lai nói vốn tâm diệu minh cố sao không trở về? Cúi mong xót thương vì con mà giảng nói. Phật dạy: A-nan! Như ông thấy ta, kiến tinh minh nguyên. Thấy đây tuy chẳng phải diệu tinh minh tâm, như vầng trăng thứ hai chẳng phải là ảnh trăng. Ông nên lắng nghe, nay ta sẽ vì ông mà chỉ bày không chỗ

trở về. A-nan! Như Đại giảng đường đây mở rộng suốt ở hướng Đông, lúc mặt nhật có dạng thì có ánh sáng, giữa đêm đen, trăng bị mây sương mờ tối thì lại mờ tối, lỗ hồng của cửa thông cửa sổ thì lại thấy thông, giữa khoảng đường nhà thì lại thấy bít. Xứ của phân biệt thì lại thấy duyên, bên trong của rộng hư khắp là không tánh, tượng tích chứa bụi thì đầy bụi mờ, lắng mưa rút khí lại nhìn thấy trong sạch. A-nan! Ông xem khắp các tướng biến hóa đây, nay ta mỗi mỗi trở lại xứ nhân chỗ gốc. Thế nào là nhân gốc? A-nan! Các thứ biến hóa đây, sáng trở lại mặt nhật. Tại sao? Không mặt nhật thì chẳng sáng, sáng nhân thuộc mặt nhật, cho nên trở lại mặt nhật. Tối trở lại trăng mờ, thông trở lại cửa tường, bít trở lại tường nhà, duyên trở lại phân biệt. Rộng hư trở lại không, tích chứa bụi trở lại bụi trần, trong sáng trở lại mưa tạnh. Thì các thế gian tất cả chỗ có, chẳng vượt ngoài các loại đây. Ông thấy tám thứ kiến tinh minh tánh, đang muốn ai trở về ư? Tại sao? Nếu trở về sáng thì lúc chẳng sáng, lại không thấy tối, tuy sáng tối v.v... các thứ sai biệt, mà thấy không sai biệt. Các thứ có thể trở lại là tự nhiên chẳng phải ông. Chẳng ông trở lại là chẳng phải ông thì là ai? Thì biết tâm ông vốn diệu sáng sạch. Ông tự mê muội mất gốc chịu xoay quanh, ở trong sinh tử thường bị nổi chìm, cho nên Như Lai gọi là đáng xót thương”. Nên biết tất cả chúng sinh tức nay kiến tinh minh tâm định chân vọng, mê mờ đó thì thô, sáng rõ đó thì diệu, chỉ ở tám thứ chẳng trở lại trong rõ ràng thấy tánh thường trú, cố sao tùy cảnh lưu chuyển mất vốn chân thường, tròn chìm vòng khổ thường trôi biển chết. Đại Thánh xót thương chẳng phải, chẳng phải chẳng kinh than! A-nan bày khởi tâm nghi ngờ, nhờ phá tình chấp, Đức Thích-ca vi tế diễn nói chỉ thẳng nguồn giác, có thể gọi là chẳng đổi thân phàm chóng thành Thánh thể, hiện ở sinh diệt hiển ra viên thường. Tông Kính trước sau văn từ nói rõ, mỗi mỗi toàn chứng ở đây. Lại có Hòa thượng Mã Tổ ở Giang Tây hỏi Tòa chủ Lượng rằng: “Tích chứa kinh gì làm sự nghiệp? Đáp: Thường giảng ba mươi sáu bộ kinh luận. Hòa thượng hỏi: Chánh lúc giảng lấy gì giảng? Đáp: Đem tâm giảng. Hòa thượng bảo: Tâm như người thợ, ý như nghề hòa theo, làm sao giảng giải kinh khác? Đáp: Chẳng thể là hư không giảng? Hòa thượng bảo: lại là hư không giảng được. Tòa Chủ Lượng ngay lời nói đó mà đại ngộ, bèn xuống thêm lễ bái, kinh sợ tự toát đổ mồ hôi. Hòa thượng bảo: Sư độn căn này, dùng lễ bái làm gì? Tòa Chủ Lượng liền trở về chùa nói cùng học chúng rằng: “Sự nghiệp học hỏi một đời tôi, gần cho là trong thiên hạ không có ai địch nổi, ngày nay bị bậc Lão túc ở chùa Khai Nguyên khắc nhổ sạch hết. Tôi đã thời gian dài đều là lừa

dối các ông”. Bèn giải tán học chúng, đi thẳng vào Tây Sơn không lưu lại tin tức. Lại như có học sĩ hỏi Hòa thượng Mã Tổ: Như nước không gân cốt, mà lúc năng thắng thuyền muôn học thì thế nào? Hòa thượng đáp: Ta ở đây nước cũng không thuyền cũng không gì là gân cốt? Lại có người học hỏi Hòa thượng Long Đàm: Từ lâu nghe tiếng Long Đàm, đến lúc lại đây, vì sao Long cũng không thấy đàm cũng không thấy? Hòa thượng đáp: lại là ông thân đến Long Đàm (đằm rỗng) vậy. Lại có tục Quan Tục Vương Thường thị hỏi Hòa thượng Tiên Động Sơn: Trong năm mươi hai quả vị Bồ-tát, làm sao chẳng thấy Diệu giác Bồ-tát? Hòa thượng đáp: Tức là Thường Thị thân thấy đó. Do đó, Đại sư Trí Giả một đời hoằng giáo, tuy rộng mở bày mà chỉ hiển chánh tông. Như trong luận Chỉ Quán nói: “Cứu cánh chỉ về xứ nào? Tuyệt đường ngôn ngữ bất chỗ tâm hành, trọn lắng như hư không”. Lại, trong luận Quán Tâm nói: “Lại vì thương nghĩ học trò một nhà, tùy theo nhiều năm khán tâm, hơi lâu bèn chẳng nghiên xét hỏi tâm. Vì vậy chẳng nhiệm pháp bên trong mà đấm trước văn tự bên ngoài, thường ghi chú mà chạy rong, mang kinh luận mà đạo quanh. Sao chẳng tuyệt lời bỏ văn, phá một bụi trần đọa ngàn quyển kinh? Nếu năng nghe pháp giảng kinh đề tông hỏi đáp như trên, mới hợp với ý tổ, xứng với tâm Phật, như gặp cơ đây, có thể về Tông Kính”.